

HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM  
LIÊN CHI HỘI KHOA VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT

---

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG  
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 - 2026**

- Tên hoạt động:** Gây Quỹ Bữa cơm nhân ái
- Thời gian tổ chức:** từ ngày 16/3/2026 đến ngày 28/3/2026
- Địa điểm tổ chức:** Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM,
- Thông tin người phụ trách:** Nguyễn Nhật Đăng – Liên chi Hội trưởng (0949216448).

**4. Danh sách sinh viên tham gia:**

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
1	21250086	Lê Tấn Hoàng Nguyên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
2	22110042	Nguyễn Đăng Đức Dũng	Toán - Tin học
3	22110241	Trần Minh Trực	Toán - Tin học
4	22130093	Tô Trần Hoàng Long	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
5	22150087	Trịnh Phó Hồng Nhung	Sinh học - Công nghệ Sinh học
6	22150128	Huỳnh Hoàng Tú	Sinh học - Công nghệ Sinh học
7	22150136	Huỳnh Phạm Tú Uyên	Sinh học - Công nghệ Sinh học
8	22150144	Nguyễn Thị Hồng Yến	Sinh học - Công nghệ Sinh học
9	22180002	Nguyễn Cao Hoài An	Sinh học - Công nghệ Sinh học
10	22180017	Trần Ngọc Anh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
11	22180021	Lê Trần Bảo Bảo	Sinh học - Công nghệ Sinh học
12	22180221	Nguyễn Mai Tuyết Ngân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
13	22190001	Võ Thúy An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
14	22190078	Lý Ngọc Thẩm	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
15	23110044	Phạm Diệp Xuân Thiện	Toán - Tin học
16	23110078	Trần Khánh Duy	Toán - Tin học
17	23110080	Huỳnh Như Hân	Toán - Tin học
18	23110112	Đoàn Phú Quý	Toán - Tin học
19	23110136	Võ Nguyễn Băng Châu	Toán - Tin học
20	23110146	Phạm Ngọc Hào	Toán - Tin học
21	23120074	Nguyễn Văn Phước	Công nghệ thông tin
22	23140006	Phạm Thị Biên	Hóa học
23	23140017	Nguyễn Lê Kha Thi	Hóa học
24	23140022	Phạm Nữ Ngọc Trang	Hóa học
25	23140028	Lê Phạm Bích Ngọc	Hóa học
26	23140032	Hoàng Thị Duyên	Hóa học
27	23140035	Nghi Bích Hoàng	Hóa học
28	23140041	Phạm Huy Trường Thịnh	Hóa học
29	23140045	Lê Thị Ngọc Tú	Hóa học

30	23140048	Nguyễn Văn Vũ	Hóa học
31	23140056	Lê Nguyễn Văn Anh	Hóa học
32	23140077	Lê Võ Huyền Đức	Hóa học
33	23140108	Tạ Đình Duy Hưng	Hóa học
34	23140130	Phan Tấn Lộc	Hóa học
35	23140131	Trần Hoàng Lộc	Hóa học
36	23140182	Trần Anh Quân	Hóa học
37	23140215	Nguyễn Thị Thuỳ	Hóa học
38	23140217	Bành Huỳnh Minh Thy	Hóa học
39	23140220	Nguyễn Trần Thị Ngọc Tiên	Hóa học
40	23140248	Đậu Hà Bảo Uyên	Hóa học
41	23140255	Phạm Thế Vinh	Hóa học
42	23150155	Từ Khánh Như	Sinh học - Công nghệ Sinh học
43	23180093	Nguyễn Bảo Hân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
44	23180098	Phạm Hoàng Minh Hạnh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
45	23180102	Trần Thanh Hậu	Sinh học - Công nghệ Sinh học
46	23180121	Lâm Thị Thanh Kiều	Sinh học - Công nghệ Sinh học
47	23180133	Hồ Trịnh Thảo Ngân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
48	23180157	Phạm Thiên Phú	Sinh học - Công nghệ Sinh học
49	23180213	Nguyễn Hoàng Hạ Vy	Sinh học - Công nghệ Sinh học
50	23200170	Tổng Triệu Vy	Điện tử - Viễn thông
51	23200172	Nguyễn Thị Như Ý	Điện tử - Viễn thông
52	23210006	Nguyễn Khánh Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
53	23210011	Cao Mạnh Nhất	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
54	23210039	Phan Thị Minh Nguyệt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
55	23210045	Trần Thị Trang Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
56	23250039	Trần Võ Trà My	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
57	23260030	Nguyễn Thành Nghĩa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
58	23290018	Lê Trần Ngọc Anh	Môi trường
59	23290024	Nguyễn Khánh Du	Môi trường
60	23290032	Cù Thị Mai Hậu	Môi trường
61	23290064	Lê Ngọc Anh Thư	Môi trường
62	23290071	Đỗ Thị An Thuyên	Môi trường
63	23290087	Nguyễn Phương Uyên	Môi trường
64	23290088	Huỳnh Khánh Vân	Môi trường
65	23290092	Dương Trúc Vy	Môi trường
66	23290093	Cao Như Ý	Môi trường
67	24110002	Phạm Vũ Đức Anh	Toán - Tin học
68	24110003	Nguyễn Đình Bách	Toán - Tin học
69	24110052	Trần Minh Sang	Toán - Tin học
70	24120005	Huỳnh Nguyên Phát	Công nghệ thông tin
71	24120006	Đào Thanh Phong	Công nghệ thông tin
72	24120073	Nguyễn Minh Khoa	Công nghệ thông tin
73	24120114	Nguyễn Ngọc Kiều Oanh	Công nghệ thông tin

74	24120118	Trần Tấn Phát	Công nghệ thông tin
75	24120125	Hoàng Diễm Phương	Công nghệ thông tin
76	24120144	Dương Ngọc Minh Thư	Công nghệ thông tin
77	24120152	Trần Ngọc Thanh Tú	Công nghệ thông tin
78	24120162	Huỳnh Vĩnh An	Công nghệ thông tin
79	24120166	Võ Nhất Bảo	Công nghệ thông tin
80	24120168	Đoàn Ngọc Bảo	Công nghệ thông tin
81	24120182	Phạm Lê Huy Hoàng	Công nghệ thông tin
82	24120192	Trần Nguyễn Quốc Khánh	Công nghệ thông tin
83	24120199	Trịnh Kim Mai	Công nghệ thông tin
84	24120209	Vân Hoàng Nhật	Công nghệ thông tin
85	24120216	Dương Minh Quân	Công nghệ thông tin
86	24120232	Nguyễn Văn Toàn	Công nghệ thông tin
87	24120234	Võ Đình Trường	Công nghệ thông tin
88	24120238	Phạm Anh Tuấn	Công nghệ thông tin
89	24120274	Nguyễn Văn Cường	Công nghệ thông tin
90	24120280	Phan Hữu Danh	Công nghệ thông tin
91	24120286	Lê Huy Diễm	Công nghệ thông tin
92	24120332	Đình Công Khang	Công nghệ thông tin
93	24120354	Đặng Hoàng Tuấn Kiệt	Công nghệ thông tin
94	24120400	Phan Lê Thành Nhân	Công nghệ thông tin
95	24120442	Đỗ Đức Duy Thắng	Công nghệ thông tin
96	24120444	Nguyễn Việt Thắng	Công nghệ thông tin
97	24120497	Nguyễn Khánh Vy	Công nghệ thông tin
98	24120506	Phan Thế Minh Trí	Công nghệ thông tin
99	24122005	Lê Gia Khánh	Công nghệ thông tin
100	24130003	Lê Quỳnh Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
101	24130004	Nguyễn Ngọc Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
102	24130005	Nguyễn Tấn Đạt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
103	24130011	Đặng Ngọc Duy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
104	24130035	Văn Quốc Khánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
105	24130043	Lê Trịnh Nhật Linh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
106	24130048	Lê Quốc Long	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
107	24130059	Trần Hữu Đình Nhân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
108	24130060	Phạm Thiên Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
109	24130061	Nguyễn Ôxít	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
110	24130063	Phan Thiên Phúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
111	24130064	Nguyễn Hữu Phước	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
112	24130068	Hồ Lưu Nhật Quang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
113	24130072	Trần Thành Tâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
114	24130084	Nguyễn Phú Trọng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
115	24130104	Nguyễn Tấn Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
116	24130115	Thân Thiện Nhân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
117	24130118	Phạm Minh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

118	24130125	Lê Xuân Trà	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
119	24130126	Nguyễn Minh Trí	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
120	24130146	Lê Khánh Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
121	24130147	Nguyễn Trần Nhiên Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
122	24130186	Nguyễn Việt Hoàng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
123	24130196	Trần Quốc Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
124	24130221	Lê Duy Nhật Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
125	24130244	Phạm Hồ Hữu Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
126	24130251	Đinh Nguyễn Trọng Sơn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
127	24130252	Dương Quốc Tài	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
128	24130257	Tổng Hoàng Tâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
129	24130279	Phạm Duy Khánh Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
130	24130282	Phạm Anh Tú	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
131	24130290	Nguyễn Hoàng Vinh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
132	24140171	Phạm Thùy Ngân	Hóa học
133	24150075	Nguyễn Như Quỳnh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
134	24150098	Nguyễn Thị Bích Trâm	Sinh học - Công nghệ Sinh học
135	24150101	Trần Bảo Trân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
136	24150157	Trương Quang Huy	Sinh học - Công nghệ Sinh học
137	24150182	Nguyễn Hồ Vân Nguyên	Sinh học - Công nghệ Sinh học
138	24150198	Lê Thị Mỹ Quyền	Sinh học - Công nghệ Sinh học
139	24150224	Nguyễn Lê Thiên Trang	Sinh học - Công nghệ Sinh học
140	24160017	Đặng Nhật Duy	Địa chất
141	24160026	Vũ Dương Thùy Linh	Địa chất
142	24160043	Lê Anh Thư	Địa chất
143	24160045	Võ Minh Tiến	Địa chất
144	24170040	Trần Ngọc Phương Anh	Môi trường
145	24190006	Phan Thanh Hải	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
146	24190025	Trần Ngọc Anh Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
147	24190030	Phạm Minh Tự	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
148	24190032	Nguyễn Thị Thanh Hoài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
149	24190047	Phạm Huỳnh Quốc Đại	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
150	24190053	Đặng Khánh Duy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
151	24190054	Lê Nguyễn Bảo Duy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
152	24190080	Bùi Trung Kiên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
153	24200042	Vũ Hoàng Thiên Ân	Điện tử - Viễn thông
154	24200122	Võ Đức Luân	Điện tử - Viễn thông
155	24210016	Nguyễn Bảo Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
156	24210072	Vũ Thị Thúy Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
157	24220085	Trương Thị Vi Như	Môi trường
158	24230007	Nguyễn Quốc Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
159	24230009	Nguyễn Duy Hưng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
160	24230013	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
161	24230014	Trần Thị Yến Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

162	24230016	Huỳnh Thục Quyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
163	24230020	Phạm Minh Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
164	24230024	Hoàng Thị Phương Uyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
165	24230033	Trần Thị Thu Hương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
166	24230035	Huỳnh Hùng Lâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
167	24230038	Danh Bảo Luân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
168	24230039	Lương Huệ Mẫn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
169	24230041	Hồ Ngọc Khả Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
170	24230042	Phạm Trung Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
171	24230055	Nguyễn Thúy Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
172	24260023	Nguyễn Kim Thiên Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
173	24260025	Trần Gia Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
174	24270032	Lâm Mỹ Trân	Địa chất
175	24290034	Nguyễn Phương Du	Môi trường
176	24290038	Cù Khắc Thanh Duy	Môi trường
177	25110004	Nguyễn Đình Hoàng	Toán - Tin học
178	25110030	Trương Vũ Quốc Đạt	Toán - Tin học
179	25110068	Lê Phạm Phi Loan	Toán - Tin học
180	25110089	Lê Ngọc Yến Nhi	Toán - Tin học
181	25110138	Nguyễn Minh Trung	Toán - Tin học
182	25110168	Trương Quang Long	Toán - Tin học
183	25110189	Nguyễn Phúc Châu	Toán - Tin học
184	25110190	Nguyễn Lê Quang Đại	Toán - Tin học
185	25110198	Lê Đỗ Bảo Duy	Toán - Tin học
186	25110232	Tô Hữu Quốc	Toán - Tin học
187	25120010	Võ Hoàng Nam	Công nghệ thông tin
188	25120013	Nguyễn Tiến Tuấn	Công nghệ thông tin
189	25120018	Đỗ Hồng Ân	Công nghệ thông tin
190	25120021	Trần Hồng Anh	Công nghệ thông tin
191	25120025	Đặng Khánh Bình	Công nghệ thông tin
192	25120032	Bùi Quốc Cường	Công nghệ thông tin
193	25120047	Đặng Nguyễn Nhật Duy	Công nghệ thông tin
194	25120070	Trương Hoàng Huy	Công nghệ thông tin
195	25120071	Vương Gia Huy	Công nghệ thông tin
196	25120148	Lê Bảo Tuấn	Công nghệ thông tin
197	25120203	Đặng Phúc Lộc	Công nghệ thông tin
198	25120319	Nguyễn Thái Hòa	Công nghệ thông tin
199	25120324	Nguyễn Song Hoàng	Công nghệ thông tin
200	25120341	Phạm Gia Huy	Công nghệ thông tin
201	25120344	Trương Quang Huy	Công nghệ thông tin
202	25120348	Nguyễn Duy Khang	Công nghệ thông tin
203	25120355	Lê Nam Khánh	Công nghệ thông tin
204	25120361	Khúc Nguyễn Đăng Khoa	Công nghệ thông tin
205	25120362	Mai Nguyễn Đăng Khoa	Công nghệ thông tin

206	25120376	Ngô Nguyễn Hoàng Long	Công nghệ thông tin
207	25120391	Cao Hữu Nghĩa	Công nghệ thông tin
208	25120430	Mạnh Trường Sơn	Công nghệ thông tin
209	25120436	Đỗ Quang Thắng	Công nghệ thông tin
210	25120438	Nguyễn Chí Thành	Công nghệ thông tin
211	25120442	Lê Hồ Quốc Thịnh	Công nghệ thông tin
212	25120447	Trịnh Văn Tiến	Công nghệ thông tin
213	25120449	Phạm Đức Toàn	Công nghệ thông tin
214	25120457	Võ Minh Triết	Công nghệ thông tin
215	25120468	Trần Kiên Văn	Công nghệ thông tin
216	25120469	Đoàn Hoàng Việt	Công nghệ thông tin
217	25130001	Lê Nguyễn Quốc Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
218	25130003	Đặng Hữu Thịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
219	25130005	Trần Quang Đại	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
220	25130012	Bùi Đức Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
221	25130016	Võ Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
222	25130018	Phan Thị Ngọc Ánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
223	25130030	Phùng Đức Duy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
224	25130039	Trần Gia Hòa	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
225	25130041	Đặng Thế Hoàng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
226	25130049	Phan Nhật Minh Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
227	25130060	Hà Lê Minh Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
228	25130064	Lê Thanh Kiên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
229	25130067	Lê Hữu Lâm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
230	25130073	Vũ Bình Minh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
231	25130074	Nguyễn Quốc Nam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
232	25130077	Nguyễn Như Ngân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
233	25130079	Lê Thị Thanh Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
234	25130086	Bùi Việt Phú	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
235	25130089	Hoàng Ngọc Bảo Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
236	25130092	Phan Đăng Quang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
237	25130094	Trần Chí Tân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
238	25130096	Lê Anh Thắng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
239	25130106	Huỳnh Bảo Thuận	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
240	25130108	Võ Thanh Tịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
241	25130113	Phạm Tuân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
242	25130116	Lê Thị Vân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
243	25130121	Phạm Như Ý	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
244	25130127	Đặng Tấn Đạt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
245	25130140	Lê Ngọc Thảo My	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
246	25130159	Nguyễn Hoàng Nam Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
247	25130162	Lê Thị Ánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
248	25130170	Hồ Anh Đàm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
249	25130172	Trần Mai Hồng Đào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

250	25130187	Nguyễn Văn Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
251	25130201	Phạm Tiến Hưng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
252	25130204	Mai Lê Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
253	25130218	Võ Quốc Kiên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
254	25130220	Võ Minh Kiệt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
255	25130221	Đặng Thanh Lam	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
256	25130226	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
257	25130227	Lê Thanh Mẫn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
258	25130228	Phan Duy Mạnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
259	25130229	Đình Như Minh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
260	25130232	Trịnh Quốc Minh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
261	25130241	Huỳnh Văn Nhân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
262	25130243	Phan Minh Nhật	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
263	25130247	Nguyễn Hữu Minh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
264	25130253	Trần Thanh Sơn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
265	25130262	Phan Ngọc Huệ Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
266	25130265	Huỳnh Thái Toàn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
267	25130267	Phan Thị Thùy Trang	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
268	25130268	Nguyễn Minh Trí	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
269	25130271	Cao Trung Trục	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
270	25130274	Trần Quang Trung	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
271	25130277	Trần Thanh Tùng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
272	25140012	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Hóa học
273	25140021	Nguyễn Bình Lê Diễm	Hóa học
274	25140028	Phan Ngọc Hân	Hóa học
275	25140040	Lại Gia Linh	Hóa học
276	25140056	Châu Đình Quốc Phú	Hóa học
277	25140059	Phạm Ngô Đông Quân	Hóa học
278	25140062	Nguyễn Đan Thanh	Hóa học
279	25140068	Nguyễn Ngọc Thanh Thy	Hóa học
280	25140084	Võ Hồng Ngọc Ánh	Hóa học
281	25140103	Lê Thị Thu Hương	Hóa học
282	25140135	Nguyễn Hồ Bảo Thi	Hóa học
283	25140176	Trương Khánh Huy	Hóa học
284	25140188	Nguyễn Trần Bình Nguyên	Hóa học
285	25150087	Lê Trần Uyên Thanh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
286	25150113	Trần Nguyễn Nhã Trúc	Sinh học - Công nghệ Sinh học
287	25150165	Văn Thị Thúy Diễm	Sinh học - Công nghệ Sinh học
288	25150172	Nguyễn Hải Hồ	Sinh học - Công nghệ Sinh học
289	25150188	Phạm Thùy Linh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
290	25160040	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Địa chất
291	25170001	Bùi Lan Anh	Môi trường
292	25170006	Nguyễn Thị Minh Châu	Môi trường
293	25170007	Nguyễn Ngọc Linh Đan	Môi trường

294	25170029	Phạm Hoàng Gia Huy	Môi trường
295	25170033	Vương Triệu Khang	Môi trường
296	25170064	Nguyễn Hoàng Minh Phúc	Môi trường
297	25180034	Trịnh Gia Khang	Sinh học - Công nghệ Sinh học
298	25180057	Lê Mỹ Phụng	Sinh học - Công nghệ Sinh học
299	25180061	Tạ Thị Ngọc Phượng	Sinh học - Công nghệ Sinh học
300	25180063	Mai Minh Quân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
301	25180074	Phạm Lang Phương Thảo	Sinh học - Công nghệ Sinh học
302	25180083	Lê Thị Thúy	Sinh học - Công nghệ Sinh học
303	25180092	Lê Hà Bảo Trang	Sinh học - Công nghệ Sinh học
304	25180096	Ngô Phúc Trí	Sinh học - Công nghệ Sinh học
305	25180099	Đỗ Chí Trọng	Sinh học - Công nghệ Sinh học
306	25180103	Hoàng Ý Khang Tường	Sinh học - Công nghệ Sinh học
307	25180105	Trương Thị Thu Vân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
308	25180115	Nguyễn Hồng Ân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
309	25180129	Phạm Thị Ngọc Hằng	Sinh học - Công nghệ Sinh học
310	25180135	Châu Tuấn Khanh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
311	25180141	Bùi Ngọc Yến Ngân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
312	25180145	Nguyễn Thị Như Ngọc	Sinh học - Công nghệ Sinh học
313	25180151	Phạm Đắc Gia Phúc	Sinh học - Công nghệ Sinh học
314	25180154	Nguyễn Ngọc Tâm	Sinh học - Công nghệ Sinh học
315	25180206	Phan Mạnh Nguyên	Sinh học - Công nghệ Sinh học
316	25180219	Vũ Anh Thư	Sinh học - Công nghệ Sinh học
317	25190013	Nguyễn Phước Đạt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
318	25190014	Trương Công Định	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
319	25190023	Lê Thị Thu Hiền	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
320	25190086	Đỗ Phạm Ngọc Tuấn	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
321	25190102	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
322	25190163	Thạch Ngọc Phương Trúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
323	25200004	Lê Vang Trí Bảo	Điện tử - Viễn thông
324	25200005	Nguyễn Xuân Bảo	Điện tử - Viễn thông
325	25200010	Đoàn Tiến Đạt	Điện tử - Viễn thông
326	25200058	Nguyễn Trần Đỗ Quyên	Điện tử - Viễn thông
327	25200063	Trần Thái	Điện tử - Viễn thông
328	25200064	Thái Văn Thắng	Điện tử - Viễn thông
329	25200068	Nguyễn Văn Phúc Thịnh	Điện tử - Viễn thông
330	25200072	Nguyễn Thế Trung	Điện tử - Viễn thông
331	25200086	Trần Hoàng Thiên Phúc	Điện tử - Viễn thông
332	25200099	Hồ Tiến Đạt	Điện tử - Viễn thông
333	25200107	Lưu Gia Hiếu	Điện tử - Viễn thông
334	25200108	Phạm Trung Hiếu	Điện tử - Viễn thông
335	25200116	Nguyễn Đắc Anh Khoa	Điện tử - Viễn thông
336	25200149	Võ Hoàng Kim Xuyên	Điện tử - Viễn thông
337	25210003	Trần Ngọc Bảo Châu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

338	25210015	Võ Ngọc Minh Khuê	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
339	25210024	Trần Ngọc Thanh Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
340	25210025	Bùi Vũ Minh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
341	25210026	Hồ Lê Minh Quân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
342	25210028	Đỗ Thị Thanh Thảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
343	25210032	Ngô Nhựt Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
344	25210048	Nguyễn Lê Minh Quý	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
345	25210049	Phạm Thanh Thảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
346	25210053	Lê Anh Tường Vân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
347	25230004	Trần Gia Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
348	25230009	Võ Đăng Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
349	25230013	Nguyễn Minh Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
350	25230014	Lê Ngọc Bảo Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
351	25230022	Lê Phương Thảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
352	25230036	Diệp Thị Ngọc Hân	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
353	25230038	Nguyễn Ngọc Hiếu	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
354	25230043	Lê Nguyễn Anh Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
355	25250001	Trần Mai Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
356	25250009	Trần Dương Hương Giang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
357	25250077	Xâu Anh Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
358	25260004	Hoàng Ngọc Đức	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
359	25260012	Vũ Mai Khanh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
360	25260013	Nguyễn Hoàng Khánh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
361	25260022	Nguyễn Phạm Mai Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
362	25260023	Nguyễn Phan Hoàng Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
363	25260024	Trần Nguyễn Anh Thư	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
364	25260026	Huỳnh Ngọc Gia Tịnh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
365	25260033	Cao Ngọc Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
366	25260034	Võ Trịnh Hồng Phúc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
367	25260036	Nguyễn Vi Cầm	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
368	25260043	Lý Hoàng Gia Huy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
369	25260044	Đỗ Đăng Khôi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
370	25260045	Lê Đình Khương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
371	25260048	Nguyễn Minh Thảo Nguyên	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
372	25260049	Nguyễn Thị Anh Nguyệt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
373	25270011	Phan Kiến Quốc	Địa chất
374	25270014	Phùng Văn Thành	Địa chất
375	25270027	Trần Thị Kim Ngọc	Địa chất
376	25280009	Phạm Nguyên Mai Anh	Toán - Tin học
377	25280027	Tôn Thất Thiện Minh	Toán - Tin học
378	25280053	Phạm Trần Phương Vy	Toán - Tin học
379	25280086	Võ Phúc Lộc	Toán - Tin học
380	25280103	Nguyễn Hoàng Minh Hiếu	Toán - Tin học
381	25280111	Nguyễn Hồ Minh Khôi	Toán - Tin học

382	25290010	Trương Tấn Cường	Môi trường
383	25290025	Mai Hoàng Linh	Môi trường
384	25290037	Võ Chúc Quân	Môi trường
385	25290053	Nguyễn Thùy Gia Vy	Môi trường
386	25290070	Phan Lê Thế Hiển	Môi trường
387	25290074	Thái Hoàng Khang	Môi trường
388	25290084	Phạm Hoàng Thế Sang	Môi trường
389	25310018	Nguyễn Ngọc Yến Minh	Khoa học liên ngành
390	25310019	Lượng Lê Na	Khoa học liên ngành
391	25177037	Võ Hoàng Bảo Trân	Môi trường
392	24137098	Lê Hoàng Thảo Vi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
393	25137094	Đặng Chí Bảo	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
394	24130011	Đặng Ngọc Duy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
395	24130146	Lê Khánh Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
396	24130004	Nguyễn Ngọc Đăng	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
397	24130144	Võ Thành Cường	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
398	24210019	Nguyễn Quốc Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
399	24210070	Nguyễn Phương Vy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
400	24210045	Huỳnh Tuyết Ngọc	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
401	24230001	Lê Phú An	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
402	24230031	Hàng Bảo Định	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
403	24230041	Hồ Ngọc Khả Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
404	25130016	Võ Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
405	25130030	Phùng Đức Duy	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
406	25130256	Nguyễn Thái Tấn	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
407	25130271	Cao Trung Trục	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
408	25210024	Trần Ngọc Thanh Nhi	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
409	25210032	Ngô Nhật Hào	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
410	25260022	Nguyễn Phạm Mai Phương	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
411	25260033	Cao Ngọc Như	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
412	25260037	Nguyễn Phương Anh	Vật lý - Vật lý kỹ thuật
413	25260049	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Vật lý - Vật lý kỹ thuật

Danh sách gồm có **413** sinh viên./.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2026*

**TM. LIÊN CHI HỘI KHOA  
VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT  
LIÊN CHI HỘI TRƯỞNG**

**Người lập bảng**

**Nguyễn Nhật Đăng**

**Nguyễn Nhật Đăng**